

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MAY PHƯƠNG ĐÔNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÀY PHƯƠNG ĐÔNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHƯƠNG ĐÔNG

Địa chỉ: Số 934, Đường Quang Trung, Phường 8,
Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1- 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3- 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5- 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9- 32

33023
CÔ
EMITO
RSM
7-T

GI
CÔ
CÔ
N
PHÚC
VẤP

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHƯƠNG ĐÔNG

Địa chỉ: Số 934, Đường Quang Trung, Phường 8,
Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May Phương Đông (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Vũ Đức Giang	Chủ tịch
Bà Nguyễn Bảo Trân	Phó Chủ tịch
Bà Võ Trần Thị Huyền	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Trần Thị Ngọc Dung	Trưởng ban
Bà Đinh Phan Quang	Thành viên
Bà Vũ Thị Như Quỳnh	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Bảo Trân	Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

789
CÔNG TY
KIỂM TOÁN & TƯ VẤN
RSM VIỆT NAM
HỒ CHÍ MINH

668
CÔNG TY CỔ PHẦN
MAY PHƯƠNG ĐÔNG
TP. HCM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, ngoại trừ các vấn đề được nêu trong báo cáo kiểm toán kèm theo, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Nguyễn Bảo Trân
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2017 *[Signature]*



Số: 17.340/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHƯƠNG ĐÔNG**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần May Phương Đông (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 03 năm 2017 từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã nêu tại mục 5.8 của Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của các năm 2013 và 2014 đang hạch toán là chi phí trả trước ngắn hạn với tổng số tiền là 18.200.000.000 VND là chưa phù hợp với quy định của Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam. Nếu các khoản chi phí trên được ghi nhận vào chi phí của các năm tương ứng thì chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đầu năm và cuối năm (mã số 421) trên Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ lần lượt là (17.024.866.984) VND và (16.956.796.731) VND.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần May Phương Đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT. TÔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0172-2016-026-1



Nguyễn Thụy Nhã Vy
Kiểm toán viên
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
1875-2016-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		213.744.136.620	190.575.050.862
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	42.608.670.518	42.268.953.926
1. Tiền	111		42.608.670.518	42.268.953.926
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		23.383.386.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	(5.2)	23.383.386.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		84.855.448.908	69.474.526.391
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(5.3)	82.190.131.672	64.394.712.289
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		288.533.747	4.195.786.911
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		2.376.783.489	884.027.191
IV. Hàng tồn kho	140		36.351.876.909	42.610.015.326
1. Hàng tồn kho	141	(5.4)	36.351.876.909	42.610.015.326
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		26.544.754.285	36.221.555.219
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	(5.8)	18.565.184.696	18.640.419.190
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.961.579.692	17.283.341.266
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	(5.10)	17.989.897	297.794.763
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		86.180.858.586	65.724.306.258
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		45.000.000	45.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		45.000.000	45.000.000
II. Tài sản cố định	220		70.218.058.992	57.302.478.351
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.5)	63.400.433.272	51.544.852.631
Nguyên giá	222		179.383.804.082	168.057.908.245
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(115.983.370.810)	(116.513.055.614)
2. Tài sản cố định vô hình	227	(5.6)	6.817.625.720	5.757.625.720
Nguyên giá	228		10.471.496.817	9.271.496.817
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.653.871.097)	(3.513.871.097)
III. Bất động sản đầu tư	230	(5.7)	5.945.137.597	-
1. Nguyên giá	231		14.968.192.509	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(9.023.054.912)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.067.454.300	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.067.454.300	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.480.000.000	3.480.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	(5.2)	3.480.000.000	3.480.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.425.207.697	4.896.827.907
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.8)	3.425.207.697	4.896.827.907
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		299.924.995.206	256.299.357.120

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
C. NỢ PHAI TRẢ	300		261.566.302.646	218.036.541.329
I. Nợ ngắn hạn	310		213.361.762.963	180.751.688.528
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	(5.9)	30.449.532.731	28.583.319.003
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		367.803.096	1.473.986.383
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(5.10)	55.480.254	51.311.611
4. Phải trả người lao động	314	(5.11)	51.317.470.348	26.474.614.574
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	(5.12)	1.565.842.213	3.600.717.218
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	(5.13)	129.605.634.321	120.567.739.739
II. Nợ dài hạn	330		48.204.539.683	37.284.852.801
1. Phải trả người bán dài hạn	331		925.961.465	925.961.465
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		20.196.802.900	22.520.000.000
3. Phải trả dài hạn khác	337	(5.12)	2.638.139.299	762.429.000
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	(5.13)	24.443.636.019	13.076.462.336
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		38.358.692.560	38.262.815.791
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.14)	38.358.692.560	38.262.815.791
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		36.000.000.000	36.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		36.000.000.000	36.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.080.000.000	1.080.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		35.489.291	7.682.775
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.243.203.269	1.175.133.016
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		1.175.133.016	1.139.280.065
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		68.070.253	35.852.951
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		299.924.995.206	256.299.357.120



Nguyễn Bảo Trân

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2017

Trần Bích Đoàn Thư

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Song An

Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	(6.1)	512.222.782.714	490.308.301.809
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	(6.2)	15.163.150	73.776.455
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		512.207.619.564	490.234.525.354
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.3)	401.942.999.810	384.867.999.275
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		110.264.619.754	105.366.526.079
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.4)	104.412.635	508.152.886
7. Chi phí tài chính	22	(6.5)	5.799.082.009	9.981.878.984
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		5.335.474.728	7.298.807.345
8. Chi phí bán hàng	25	(6.6)	11.990.800.614	5.672.056.991
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(6.7)	93.820.310.212	91.245.771.061
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.241.160.446)	(1.025.028.071)
11. Thu nhập khác	31		2.375.016.044	1.562.325.804
12. Chi phí khác	32		668.673.963	333.100.175
13. Lợi nhuận khác	40		1.706.342.081	1.229.225.629
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		465.181.635	204.197.558
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.9)	279.804.866	152.979.057
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		185.376.769	51.218.501
17. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70	(5.14.4)	44	12



Nguyễn Bảo Trân
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2017

Trần Bích Đoàn Thư
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Song An
Người lập biểu



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu				
1. khác	01		488.573.074.082	521.153.195.158
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(302.384.391.477)	(328.081.926.813)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(130.301.394.173)	(114.679.237.417)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(6.5)	(5.335.474.728)	(7.298.807.345)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	(396.441.951)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		16.090.608.586	5.339.232.730
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(27.125.827.332)	(24.748.916.806)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		39.516.594.958	51.287.097.556
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và				
1. các tài sản dài hạn khác	21		(34.820.886.516)	(5.920.857.650)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và				
2. các tài sản dài hạn khác	22		71.320.000	1.143.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ				
3. của các đơn vị khác	23		(23.383.386.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	(6.4)	32.606.353	117.865.453
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(58.100.346.163)	(4.659.992.197)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	(7.1)	463.195.972.570	475.430.759.385
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(7.2)	(445.910.826.012)	(491.051.395.250)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(1.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		17.285.146.558	(15.621.835.865)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		(1.298.604.647)	31.005.269.494
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		42.268.953.926	11.492.800.849
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái gụy đổi ngoại tệ	61		1.638.321.239	(229.116.417)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	(5.1)	42.608.670.518	42.268.953.926



(Handwritten signature)

(Handwritten signature)

Nguyễn Bảo Trân
Tổng Giám đốc

Trần Bích Đoàn Thư
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Song An
Người lập biểu

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2017

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Máy Phương Đông (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Máy Phương Đông, một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 16 tháng 11 năm 2004, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Máy Phương Đông theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103003249 ngày 31 tháng 03 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 13 tháng 08 năm 2015.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 36.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 934, Đường Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.803 (31/12/2015: 1.738).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán hàng may mặc; sản xuất, mua bán nguyên phụ liệu và sản phẩm ngành dệt may;
- Bán buôn thực phẩm, nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống;
- Bán buôn đồ dùng cho gia đình, máy móc, thiết bị, ô tô, mô tô, xe máy và phụ tùng máy khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá và hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TỐÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Ngoại tệ

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng Vietcombank;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

4.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4.4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

4.5. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư khác được phân ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.6. Các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ với các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dễ dàng, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	05 – 07 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm

4.9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại:

- Số 4/2, Đường Quang Trung, Phường 12, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.
- Lô 1/2D, Đường Quang Trung, Phường 12, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.
- Lô 1/2G, Đường Quang Trung, Phường 12, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.
- Lô 1/2N, Đường Quang Trung, Phường 12, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích từ 02 đến 03 năm.

Bảng sáng chế

Bảng sáng chế được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03 năm.

4.10. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

4.11. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

4.12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 05 – 25 năm

4.13. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến công cụ, bao bì xuất dùng, chi phí sửa chữa. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí sửa chữa tài sản và thiết kế, xây dựng xí nghiệp.

4.14. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.15. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

4.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quý dự trữ

Các quý dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quý dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.17. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

4.18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.19. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.20. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ và lỗ tỷ giá hối đoái.

4.21. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, đóng gói, vận chuyển.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, ...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

4.22. Thuế***Thuế thu nhập doanh nghiệp******Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Doanh thu xuất khẩu: 0%
- Doanh thu bán trong nước: 10%
- Dịch vụ cho thuê: 10%
- Các dịch vụ khác: 10%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.24. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tiền mặt	628.061.763	380.451.771
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	41.980.608.755	41.888.502.155
Cộng	42.608.670.518	42.268.953.926

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại ngân hàng với lãi suất 4.8%/năm.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016 VND			Tại ngày 01/01/2016 VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	3.480.000.000	-	-	3.480.000.000	-	-

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải thu từ khách hàng:		
Best Start International Limited	7.554.396.106	8.035.006.762
Canda International GmbH & Co. Ohg (C&A)	-	5.177.639.010
Desipro Pte , Ltd	55.075.710.198	35.781.293.124
Lucretia Apparel Industries Ltd	-	1.285.508.776
Motives Far East Ltd	10.730.099.320	3.806.336.436
Các khách hàng khác	8.756.284.720	10.240.160.601
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan – Xem thêm mục 8	73.641.328	68.767.580
Cộng	82.190.131.672	64.394.712.289

5.4. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	2.789.964.561	-	1.078.828.605	-
Nguyên liệu, vật liệu	12.614.036.143	-	18.854.077.077	-
Công cụ, dụng cụ	592.270.947	-	139.919.188	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.961.060.311	-	18.355.527.205	-
Thành phẩm	2.041.391.951	-	3.481.768.268	-
Hàng hóa	30.635.208	-	34.263.776	-
Hàng gửi bán	1.322.517.788	-	665.631.207	-
Cộng	36.351.876.909	-	42.610.015.326	-

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÂY PHƯƠNG ĐÔNG

Địa chỉ: Số 934, Đường Quang Trung, Phường 8,
Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2016	52.953.709.962	99.637.926.847	5.008.001.400	9.136.676.426	1.321.593.610	168.057.908.245
Mua trong năm	714.090.000	27.422.440.356	693.172.727	711.736.447	-	29.541.439.530
Chuyển sang bất động sản đầu tư	14.968.192.509	-	-	-	-	14.968.192.509
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.039.502.671)	(135.797.325)	(72.051.188)	-	(3.247.351.184)
Tại ngày 31/12/2016	38.699.607.453	124.020.864.532	5.565.376.802	9.776.361.685	1.321.593.610	179.383.804.082
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2016	34.039.209.658	69.611.954.362	4.029.431.582	7.510.866.402	1.321.593.610	116.513.055.614
Khấu hao trong năm	1.654.470.076	9.109.701.363	165.392.076	773.975.207	-	11.703.538.722
Chuyển sang bất động sản đầu tư	9.023.054.912	-	-	-	-	9.023.054.912
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.002.320.101)	(135.797.325)	(72.051.188)	-	(3.210.168.614)
Tại ngày 31/12/2016	26.670.624.822	75.719.335.624	4.059.026.333	8.212.790.421	1.321.593.610	115.983.370.810
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2016	18.914.500.304	30.025.972.485	978.569.818	1.625.810.024	-	51.544.852.631
Tại ngày 31/12/2016	12.028.982.631	48.301.528.908	1.506.350.469	1.563.571.264	-	63.400.433.272

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 44.207.096.137 VND – Xem thêm mục 5.13.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 81.976.756.206 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHƯƠNG ĐÔNG

Địa chỉ: Số 934, Đường Quang Trung, Phường 8,
Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Chương trình phần mềm VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2016	5.757.625.720	1.186.549.000	2.314.507.632	12.814.465	9.271.496.817
Mua trong năm	-	-	-	1.200.000.000	1.200.000.000
Tại ngày 31/12/2016	5.757.625.720	1.186.549.000	2.314.507.632	1.212.814.465	10.471.496.817
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2016	-	1.166.549.000	2.314.507.632	12.614.465	3.513.871.097
Khấu hao trong năm	-	-	-	140.000.000	140.000.000
Tại ngày 31/12/2016	-	1.186.549.000	2.314.507.632	152.814.465	3.653.871.097
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2016	5.757.625.720	-	-	-	5.757.625.720
Tại ngày 31/12/2016	5.757.625.720	-	-	1.060.000.000	6.817.625.720

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 3.513.871.097 VND.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.7. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê:

Khoản mục	Nhà VND
Nguyên giá:	
Tại ngày 01/01/2016	-
Tăng trong năm	14.968.192.509
Tại ngày 31/12/2016	14.968.192.509
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Tại ngày 01/01/2016	-
Tăng trong năm	9.023.054.912
Tại ngày 31/12/2016	9.023.054.912
Giá trị còn lại:	
Tại ngày 01/01/2016	-
Tại ngày 31/12/2016	5.945.137.597

5.8. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ, dụng cụ, bao bì xuất dùng	182.576.904	340.433.315
Chi phí sửa chữa	30.088.754	63.136.767
Các khoản khác (*)	18.352.519.038	18.236.849.108
Cộng	18.565.184.696	18.640.419.190
	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Dài hạn:		
Công cụ, dụng cụ, bao bì xuất dùng	1.861.731.205	3.000.671.966
Chi phí sửa chữa tài sản và thiết kế, xây dựng	1.299.550.826	1.732.058.275
Các khoản khác	263.925.666	164.097.666
Cộng	3.425.207.697	4.896.827.907

(*) Trong đó có các khoản chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 và 2014 chưa được ghi nhận vào kết quả kinh doanh các năm tương ứng với số tiền lần lượt là 12.800.000.000 VND và 5.400.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán:				
Công ty TNHH YKK Việt Nam Nataka Corporate Private Limited	3.101.921.565	3.101.921.565	3.171.952.482	3.171.952.482
Huge Rock Textile Co., Ltd	6.696.393.220	6.696.393.220	4.954.400	4.954.400
Phải trả cho các đối tượng khác	20.651.217.946	20.651.217.946	19.472.154.513	19.472.154.513
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	-	-	1.325.314.408	1.325.314.408
Cộng	30.449.532.731	30.449.532.731	28.583.319.003	28.583.319.003

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHƯƠNG ĐÔNGĐịa chỉ: Số 934, Đường Quang Trung, Phường 8,
Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.10. Thuế và các khoản (phải thu), phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2016		Trong năm		Tại ngày 31/12/2016	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	857.713.654	857.713.654	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	758.607	758.607	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(297.794.763)	-	279.804.866	-	(17.989.897)	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	51.311.611	281.124.379	278.107.096	-	54.328.894
Thuế tài nguyên	-	-	39.937.560	38.786.200	-	1.151.360
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	1.505.996.024	1.505.996.024	-	-
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
Cộng	(297.794.763)	51.311.611	2.971.335.090	2.687.361.581	(17.989.897)	55.480.254

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.11. Phải trả người lao động

Là lương tháng 12 và lương bổ sung còn phải trả người lao động.

5.12. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoàn	132.182.814	3.811.814
Bảo hiểm xã hội	809.380.706	446.099.551
Bảo hiểm y tế	-	526.778.857
Bảo hiểm thất nghiệp	-	19.870.465
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.000.000	20.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	67.676.200	67.676.200
Các khoản phải trả, phải nộp khác	536.602.493	2.516.480.331
Cộng	1.565.842.213	3.600.717.218
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	431.706.000	431.706.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.206.433.299	330.723.000
Cộng	2.638.139.299	762.429.000

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÂY PHƯƠNG ĐÔNG

Địa chỉ: Số 934, Đường Quang Trung, Phường 8,
Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.13. Vay và nợ thuế tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn:						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB)	123.015.766.221	123.015.766.221	448.066.431.578	440.069.668.756	115.019.003.399	115.019.003.399
Ngân hàng TNHH Indovina (IVB)	6.589.868.100	6.589.868.100	6.589.868.100	5.548.736.340	5.548.736.340	5.548.736.340
Cộng	129.605.634.321	129.605.634.321	454.656.299.678	445.618.405.096	120.567.739.739	120.567.739.739
Vay dài hạn:						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB)	13.391.027.938	13.391.027.938	18.537.774.000	5.146.746.062	-	-
Ngân hàng TNHH Indovina (IVB)	11.052.608.081	11.052.608.081	5.162.062.585	7.185.916.840	13.076.462.336	13.076.462.336
Cộng	24.443.636.019	24.443.636.019	24.443.636.019	12.332.662.902	13.076.462.336	13.076.462.336
Tổng cộng	154.049.270.340	154.049.270.340	478.356.136.263	457.951.067.998	133.644.202.075	133.644.202.075

Vay ngắn hạn là các khoản vay tín chấp và chịu lãi suất từ 5,6% - 5,8%/năm đối với VND và 2,5% - 2,8% đối với USD.

Vay dài hạn là các khoản vay có thời hạn 05 năm với lãi suất từ 7% đến 11%/năm đối với VND và 3,5% đến 4,5% đối với USD. Các khoản vay được bảo đảm bằng máy móc thiết bị, các tài sản được hình thành từ tiền vay và tài sản cố định vô hình - Xem thêm mục 5.5 và 5.6.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHƯƠNG ĐÔNG

Địa chỉ: Số 934, Đường Quang Trung, Phường 8,
Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.14. Vốn chủ sở hữu****5.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2015	36.000.000.000	1.080.000.000	10.560.507.797	3.140.373.639	1.216.224.177	51.997.105.613
Phân loại lại	-	-	3.140.373.639	(3.140.373.639)	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	51.218.501	51.218.501
Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	7.682.775	-	(7.682.775)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(7.682.775)	(7.682.775)
Giảm khác	-	-	(13.700.881.436)	-	(76.944.112)	(13.777.825.548)
Tại ngày 01/01/2016	36.000.000.000	1.080.000.000	7.682.775	-	1.175.133.016	38.262.815.791
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	185.376.769	185.376.769
Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	27.806.516	-	(27.806.516)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(27.806.516)	(27.806.516)
Giảm khác	-	-	-	-	(61.693.484)	(61.693.484)
Tại ngày 31/12/2016	36.000.000.000	1.080.000.000	35.489.291	-	1.243.203.269	38.358.692.560

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.14.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Vốn góp của Nhà nước	-	9.180.000.000
Vốn góp của Ông Vũ Đức Giang	17.962.300.000	12.350.700.000
Vốn góp của các đối tượng khác	18.037.700.000	14.469.300.000
Cộng	36.000.000.000	36.000.000.000

5.14.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	3.600.000	3.600.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng:	3.600.000	3.600.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành:	3.600.000	3.600.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

5.14.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	185.376.769	51.218.501
Trừ: tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(27.806.516)	(7.682.775)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	157.570.253	43.535.726
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	3.600.000	3.600.000
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	44	12

5.14.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2016	7.682.775
Trích từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm	27.806.516
Tại ngày 31/12/2016	35.489.291

5.15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	ĐVT	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
Hàng hóa nhận gia công:			
Nguyên liệu	Mét	399.282,83	401.698
Phụ liệu	Chiếc	2.267.876,96	4.169.867
Bao bì	Thùng/Chiếc	139.705,00	314.445

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
Ngoại tệ các loại:		
EUR	424,02	434,70
USD	1.772.362,73	1.531.496,00

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Nợ khó đòi đã xử lý:				
RGR Sportwear Inc	66.029,67	1.119.984.316	66.029,67	1.119.984.316
Active Knitwear Resources Inc	15.608,19	331.611.584	15.608,19	331.611.584
Công ty CP Dệt may Đầu tư Thương mại Thành Công	-	425.031.283	-	425.031.283
Công ty TNHH Hoàn Mỹ WMX	-	4.032.534	-	4.032.534

Lý do xóa sổ các khoản công nợ là do không thu hồi được đã trên 03 năm.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu:		
Doanh thu bán hàng	679.622.197	5.925.226.023
Doanh thu bán thành phẩm	483.882.987.650	455.971.745.399
Doanh thu cung cấp dịch vụ	24.772.287.216	28.294.713.804
Cộng	509.334.897.063	490.191.685.226
Doanh thu đối với các bên liên quan – Xem thêm mục 8	2.887.885.651	116.616.583
Tổng Cộng	512.222.782.714	490.308.301.809

6.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Là hàng bán bị trả lại.

6.3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.012.793.320	5.763.579.694
Giá vốn của thành phẩm đã bán	395.267.121.647	370.909.543.311
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.663.084.843	8.194.876.270
Cộng	401.942.999.810	384.867.999.275

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	32.606.353	30.865.453
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	87.000.000
Lãi chênh lệch đã thực hiện	71.806.282	352.930.871
Lãi chênh lệch chưa thực hiện	-	37.356.562
Cộng	104.412.635	508.152.886

6.5. Chi phí tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền vay	5.335.474.728	7.298.807.345
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	115.311.478	2.683.071.639
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	348.295.803	-
Cộng	5.799.082.009	9.981.878.984

6.6. Chi phí bán hàng

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí xuất nhập khẩu	9.636.847.732	2.961.816.643
Chi phí hoa hồng	835.806.637	689.712.852
Chi phí thuê mặt bằng	305.849.672	718.597.430
Khác	1.212.296.573	1.301.930.066
Cộng	11.990.800.614	5.672.056.991

6.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	76.663.755.256	71.248.264.818
Chi phí đồ dùng văn phòng	842.150.391	772.093.434
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.182.840.492	2.501.708.971
Thuế, phí và lệ phí	1.881.038.616	1.601.711.394
Chi phí vận chuyển	1.800.339.889	2.906.414.241
Chi phí quản lý khác	9.450.185.568	12.215.578.203
Cộng	93.820.310.212	91.245.771.061

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	249.352.210.058	236.002.971.615
Chi phí nhân công	202.371.118.186	192.271.290.752
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.349.926.570	10.438.240.448
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.971.097.374	14.882.670.247
Chi phí khác bằng tiền	7.789.007.670	11.787.191.274
Cộng	497.833.359.858	465.382.364.336

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	465.181.635	204.197.558
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	933.842.696	578.161.794
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	(87.000.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	1.399.024.331	695.359.352
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	22%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	279.804.866	152.979.057

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

7.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	463.195.972.570	475.430.759.385

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(445.910.826.012)	(491.051.395.250)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

1. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc
2. Công ty Cổ phần Tex – Giang

Mối quan hệ

Nhân sự quản lý chủ chốt
 Công ty cùng Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng – Xem thêm mục 5.3: Công ty Cổ phần Tex-Giang	73.641.328	68.767.580
	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải trả người bán ngắn hạn – Xem thêm mục 5.9: Công ty Cổ phần Tex-Giang	-	(1.325.314.408)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Công ty Cổ phần Tox – Giang – Xem thêm mục 6.1: Bán hàng	2.596.843.449	26.466.201
Cung cấp dịch vụ	291.042.202	90.150.382
Cộng	2.887.885.651	116.616.583

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thù lao Hội đồng quản trị	404.000.000	469.000.000
Thu nhập của Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác	1.799.501.000	1.655.469.000
Cộng	2.203.501.000	2.124.469.000

9. THU NHẬP CỦA BÁN KIỂM SOÁT

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	96.000.000	102.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

10. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê đất làm văn phòng, cửa hàng, xưởng may và kho chứa theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 15 và 38 năm, với tiền thuê đất theo thông báo hằng năm

	<u>Năm 2016</u> VND	<u>Năm 2015</u> VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	2.166.889.164	2.575.626.502

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Nguyễn Bảo Trân
Tổng Giám đốc
Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2017

Trần Bích Đoàn Thu
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Song An
Người lập